

Topic 7B: Food

Ex 1: Sắp xếp các chữ cái để có từ hoàn chỉnh và nối với nghĩa tương ứng:

__d_	1. efeB	_____	a) Quả cam
_____	2. odFo	_____	b) Gà
_____	3. Jiceu	_____	c) Đồ uống
_____	4. Oenarg	_____	d) Thịt bò
_____	5. gneaOr ciueJ	_____	e) Nước ép cam
_____	6. teblVeaeg	_____	f) Thức ăn
_____	7. Cehkinc	_____	g) Rau củ
_____	8. meaedLon	_____	h) Hàng ngày
_____	9. inDrk	_____	i) Nước ép
_____	10. rvEye ayd	_____	j) Nước chanh

Ex 2: Nghe và chọn cụm từ thích hợp để điền vào chỗ trống:

Hi. My name is Linda. I (1) ____ a ____ beef. It is my favourite food. My favourite drink is orange juice. I (2) _____ like vegetables. My younger brother Peter (3) _____ like beef. He (4) _____ chicken. (5) _____ his favourite food. He loves lemonade too. (6) _____ is his favourite drink. He (7) _____ it every day.

- | | |
|-------------|-----------|
| a. like | e. don't |
| b. doesn't | f. loves |
| c. Lemonade | g. drinks |
| d. It is | |

Ex 3: -Viết lại các câu sau theo thứ tự đúng để tạo thành đoạn văn hoàn chỉnh.
 -Thay một số thông tin của bạn vào bài văn và quay video gửi lên nhóm*.

- a) It is my favourite food. My favourite drink is orange juice.
- b) He loves lemonade too. Lemonade is his favourite drink.
- c) I don't like vegetables.
- d) Hi. My name is Linda.
- e) My younger brother Peter doesn't like beef.
- f) I like beef.
- g) He drinks it every day.
- h) He loves chicken. It is his favourite food.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

*Quét mã QR code để gửi video lên nhóm facebook và nhận góp ý, quà tặng.

